

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ - ST
Ngày 20-6-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Minh Trí
- Ông Lê Sỹ Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2024/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST - HNGĐ ngày 26/4/2024 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 11/TB - MLPTXX ngày 10/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST - HNGĐ ngày 21/5/2024 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 16/TB - MLPTXX ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi làm việc hiện nay: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ quảng cáo Đ; địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố M1, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 12/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B nay là Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh D đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Chị và anh D có 1 con chung là Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/7/2015. Hiện nay con đang ở với anh D nên khi ly hôn chị giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Nguyễn Văn D:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Nguyễn Văn D. Nhưng trong thời hạn quy định anh D không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

* *Tại Biên bản xác minh ngày 12 tháng 4 năm 2024, ông Nguyễn Ngọc X - bố đẻ của anh Nguyễn Văn D trình bày:* Anh Nguyễn Văn D và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B nay là Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/11/2014. Sau khi kết hôn anh D và chị H chung sống hạnh phúc tại thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống anh D và chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Từ cuối năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không thể hòa giải được nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Anh D và chị H có 1 con chung Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/7/2015. Hiện nay cháu đang ở với anh D. Về tài sản và nợ chung: Anh D và chị H không có tài sản và nợ chung.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D thường xuyên đi làm vắng nhà nên gia đình ông đã nhận thay và đã thông báo ngay lại cho anh D biết. Quan điểm của anh D cũng đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Anh D mong muốn xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về tài sản và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo ngay lại cho anh D và giao ngay lại khi anh D về nhà.

* *Tại phiên tòa:*

- Chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh D trình bày:

Anh đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa và Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đến tham gia phiên tòa nhưng do hiện nay anh đi làm xa nhà, không đến Tòa án để tham gia phiên tòa được. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống cho anh được vắng mặt tại phiên tòa. Quan điểm của anh như sau:

Về hôn nhân: Anh xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn chị Phạm Thị H xin ly hôn thì anh cũng hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị H có 1 con chung là: Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/7/2015. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay con ở với anh và ông bà nội nên khi ly hôn anh đề nghị Tòa án cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Về tài sản và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/11/2014, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh D.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/7/2015 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 đến khi con thành niên.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Phạm Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Công giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị H và anh D là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn D dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh D. Về phía anh D xét thấy vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh D là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/7/2015. Hiện nay con đang ở với anh D và ông bà nội. Chị H giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con chung. Cháu Nguyễn Nhật L cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Hiện nay anh D đang làm việc tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ quảng cáo Đ tại thành phố M1, tỉnh Bình Dương, có thu nhập, đảm bảo điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu Nguyễn Nhật L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 23/7/2015 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị Phạm Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0002962 ngày 27/02/2024. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị H và anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã M;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

